

Bản án số: 202/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2019

V/v Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Thế Hùng

2. Ông Phạm Viết Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn TX, xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Văn T, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TX, xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Khu 4, Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Gia Y, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường K, chức vụ: PGĐ(Có mặt).

- Ông Lưu Ngọc H, sinh năm: 1943 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TX, xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2019, đơn yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lưu Văn T kết hôn tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 10/11/2008 tại UBND xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp trong mọi việc, anh T rượu chè rồi chửi bới đánh đập chị. Đầu năm 2016, anh T đánh đập chị nên chị đã về nhà ngoại ở và vợ chồng đã sống ly thân được 8 tháng. Tháng 10/2016, vợ chồng quay về chung sống với nhau nhưng chỉ được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, ngày càng bế tắc. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Th và anh T có hai con chung, cháu Lưu Ngọc Gia B, sinh ngày 10/12/2009 và cháu Lưu Ngọc Nguyên Đ, sinh ngày 15/5/2015. Hiện nay cháu B đang ở với anh T, cháu Đ ở với chị Th. Nguyên vọng của chị Th được trực tiếp chăm sóc cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm có: một nhà cấp 4 xây năm 2010 trên diện tích đất của bố mẹ đẻ anh T, đứng tên ông Lưu Ngọc H cùng với công trình phụ và bếp; một chiếc xe máy Honda way S; một máy giặt; một bộ bàn ghế và một tủ lạnh. Nguyên vọng của chị Th là không ở nhà mà được nhận các đồ dùng sinh hoạt cùng giá trị chênh lệch tài sản.

Về công nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa số tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi. Chị Th đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 27 tháng 8 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lưu Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Th kết hôn tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 10/11/2008 tại UBND xã YN, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Vào năm 2016, anh có uống rượu say và đánh chị Th một cái. Sau đó vợ chồng đã được các tổ chức đoàn thể của xã hòa giải, anh T đặt rất nhiều hi vọng và quyết tâm sửa đổi để chị Th yên tâm đi xuất khẩu lao động, tạo kinh tế chăm lo cho gia đình và trả nợ. Vì vậy, lý do chị Th làm đơn xin ly hôn anh T thấy không hợp lý, anh T không muốn bỏ vợ và mong muốn vợ suy nghĩ lại để gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, cháu Lưu Ngọc Gia B, sinh ngày 10/12/2009 và cháu Lưu Ngọc Nguyên Đ, sinh ngày 15/5/2015. Anh T có nguyện vọng nuôi cháu Đ, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một ngôi nhà cấp 4 rộng 60m² xây năm 2010 trị giá 98 triệu đồng trên đất của ông bà nội, một chiếc xe máy anh đã cầm cố được 10.000.000đ đã chi tiêu chăm sóc con cái hết. Ngoài ra các vật dụng trong gia đình đã hư hỏng, không còn giá trị. Nguyên vọng của anh T là cho chị Th được quyết định lấy tài sản và tháo dỡ phần tài sản trên đất của bố mẹ anh.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa số tiền gốc là 50.000.000đ. Anh T đã trả lãi hết tháng 10/2019. Đề nghị chị Th tiếp tục trả lãi và nợ gốc còn lại.

- *Tại biên bản định giá tài sản ngày 11/10/2019, hội đồng định giá tài sản của vợ chồng chị Th, anh T gồm có các tài sản cụ thể như sau:*

- Ngôi nhà cấp IV: Phần nhà trong, gạch vồ, mái tôn, tường cao 4m, diện tích 4,5m x 9,2m = 41,4m². Trị giá còn lại là 34.716.823đ.

Phần nhà ngoài hè xây gạch đỏ, mái đổ bê tông cốt thép tại chỗ, quét sơn hoàn chỉnh, tường cao 4m. Trị giá còn lại là 12.145.534đ. Tổng giá trị còn lại của ngôi nhà là 46.862.357đ.

- Mái tôn bên hông nhà: Diện tích 15,3m², giá trị còn lại là 1.836.000đ.

- Bếp và công trình phụ: Diện tích 13,68m², giá trị còn lại là 4.404.960đ.

Tổng giá trị tài sản còn lại trị giá là 53.103.317đ.

- *Tại bản tự khai ngày 16 tháng 10 năm 2019, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. trình bày:*

Ngày 06/4/2017, hộ gia đình chị Lê Thị Th có ký kết vay vốn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa số tiền 100.000.000đ theo số sổ vay vốn là 097332301. Mục đích vay là sửa chuồng trại và mua bò sinh sản; lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/năm; thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 12/4/2017 đến ngày 11/4/2020. Khi vay, ngân hàng có cầm giữ của chị Th một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 126913 do UBND huyện Yên Định cấp ngày 06/5/2002 đứng tên ông Lưu Ngọc H (là bố anh Lưu Văn T). Quá trình vay nợ, đã trả được số tiền gốc là 50.000.000đ vào ngày 29/11/2017 và tiền lãi đến ngày 31/10/2019. Hiện tại hộ gia đình chị Th vẫn trả nợ gốc và lãi đúng hạn. Tuy nhiên, chị Th và anh T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ cụ thể theo đúng quy định của pháp luật để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 50.000.000đ khi đến hạn là ngày 11/4/2020 và tiền lãi phát sinh phải trả định kỳ vào ngày mùng 09 hàng tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan ông Lưu Ngọc H trình bày:

Ông H có cho vợ chồng chị Th và anh T mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để vay tiền. Trong hợp đồng vay tiền giữa chị Th, anh T và Ngân hàng thì ông H không ký bất kỳ chữ ký nào, không ký hợp đồng thế chấp, không ký hợp đồng bảo lãnh cũng như bất kỳ văn bản giấy tờ nào đối với Ngân hàng. Do vậy, ông H không có liên quan đến Ngân hàng.

Trong quá trình chung sống, chị Th và anh T có xây dựng nhà trên phần diện tích đất của ông H nhưng ông khẳng định ông chưa cho đất hai vợ chồng. Hiện nay, Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng chị Th, anh T thì ông H đề nghị Tòa án chia cho anh T sử dụng ngôi nhà để anh T nuôi con. Ông H không có yêu cầu gì về phần đất và cũng không liên quan đến việc chia tài sản chung của vợ chồng chị Th, anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa để tổ chức hòa giải và làm việc nhưng anh T trốn tránh không đến Tòa làm việc.

Tại phiên tòa:

Chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, chị xin nuôi con Lưu Ngọc Nguyên Đ, sinh ngày 15/5/2015. Về tài sản chị đề nghị giao cho anh T toàn bộ tài sản. Anh T chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp.

Anh T và ông H vắng mặt.

Đại diện Ngân hàng: Hiện tại hợp đồng tín dụng chưa đến hạn thanh toán, hàng tháng anh T trả lãi đầy đủ. Tiền lãi đã trả hết tháng 10/2019. Nếu Tòa án giao toàn bộ tài sản cho ai thì người đó phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ các Điều 33,37,38, 56, 59,61, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228, Điều 147, điều 277 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 463, 466,468 Bộ luật dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu chị Thương được ly hôn anh T; Về con chung: Giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Ngọc Nguyên Đ, sinh ngày 15/5/2015. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Ngọc Gia B, sinh ngày 10/12/2009. Không ai có nghĩa vụ phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: Giao cho anh T được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trị giá là 53.103.317đ. Anh T chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

50.000.000đ tiền gốc và số tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2019. Anh T không phải trả tiền chênh lệch tài sản do chị Th không yêu cầu.

Về án phí: Chị Th, anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị Th và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh T và ông H tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T và ông H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T và ông H vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T, ông H là đúng quy định của pháp luật.

{2} Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, anh T rượu chè đánh đập chị Th. Hai vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 8 tháng nay. Chị Th yêu cầu xin được ly hôn, anh T mong muốn chị Th suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng HĐXX xét thấy: Chị Th và anh T mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2016. Thời gian đó vợ chồng đã sống ly thân. Do gia đình già nua cuối năm 2016 vợ chồng đoàn tụ. Năm 2017 anh T cho chị Th đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống ly thân từ đó. Tháng 8/ 2019 chị Th về nước, tình cảm vợ chồng không được cải thiện vẫn tiếp tục sống ly thân. Chị Th yêu cầu xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T không có biện pháp nào níu kéo để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa để tổ chức phiên hòa giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt. Trong thời gian chuẩn bị xét xử anh T đã đánh chị Th gây thương tích và đập phá tài sản riêng của chị Th. Điều đó chứng tỏ anh T không tôn trọng vợ, không thiết tha với cuộc sống vợ chồng. Do đó yêu cầu xin đoàn tụ của anh T là không có căn cứ.

HĐXX xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung đã chấm dứt. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn xin của chị Th là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung. Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lưu Ngọc Nguyên Đ và cháu Lưu Ngọc Gia B. Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu B.

HĐXX xét thấy: Khi ly hôn là bố, mẹ ai cũng có quyền nuôi con, đó là quyền chính đáng được pháp luật ghi nhận. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi phải xem xét đến khả năng, điều kiện, môi trường sống của mỗi bên và xem xét đến nguyện vọng của con trẻ. Mục đích sau khi ly hôn con trẻ phải được ổn định về mặt tâm lý, được học hành đầy đủ, được phát triển toàn diện về văn hoá cũng như thể chất. Xét thấy hai bên đều có đủ khả năng điều kiện nuôi con nên giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Cháu Lưu Ngọc Gia B đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố và thực tế hiện nay đang ở với bố nên giao cháu cho anh T nuôi là phù hợp. Cháu Lưu Ngọc Nguyên Đ còn nhỏ giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo ai cũng có quyền nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Tại biên bản định giá tài sản ngày 11/10/2019, hội đồng định giá tài sản đã xác định: Tổng giá trị tài sản còn lại của ngôi nhà, bếp và công trình phụ của vợ chồng chị Th, anh T có trị giá là 53.103.317đ. Số nợ của Ngân hàng tính đến tháng 10/2019 là 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi kèm theo hợp đồng đã trả hết tháng 10/2019.

Quan điểm của chị Th số tài sản trên giao cho anh T sở hữu, anh T chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng.

Quan điểm của anh T cho chị Th được quyết định lấy tài sản và tháo dỡ phần tài sản trên đất của bố mẹ anh. Về số nợ chị Th tiếp tục trả lãi và nợ gốc còn lại.

Quan điểm của Ngân hàng: Nếu Tòa án giao toàn bộ tài sản cho ai thì người đó phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

HĐXX xét thấy: Ngôi nhà xây cấp IV trên đất của ông H (bố anh T) là tài sản không thể di dời được. Nếu tháo dỡ sẽ không còn giá trị sử dụng. Nếu để lại giao cho chị Th ở thì cũng không hợp lý vì xây trên đất ông H. Vì vậy trong trường hợp này giao cho anh T sở hữu là phù hợp để anh T có nơi ở nuôi con. Ông H không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xét. Lời đề nghị của anh T giao nhà cho cô Thương để tháo dỡ là không hợp lý nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với số nợ của Ngân hàng xét thấy đây là công nợ chung của vợ chồng, chị Th đã gửi đủ tiền về trả nhưng anh T trả chưa hết. Hiện tại hàng tháng anh T đang trả, tài sản chung được giao cho anh T sở hữu, do đó anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là hợp lý. Sau khi trả hết nợ anh T lấy tài sản tín chấp về cho ông H.

Như vậy số tài sản chung của chị Th và anh T về nguyên tắc là chia đôi. Tuy nhiên giao cho anh T sở hữu toàn bộ tài sản trị giá 53.103.317đ, thì anh T phải chịu

trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền còn dư 3.103.317đ. chị Th không yêu cầu chia nên giao lại cho anh T sở hữu.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 4.500.000đ Chị Th đã nộp tạm ứng số tiền trên. Tại phiên tòa chị Th không yêu cầu anh T hoàn trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Vì vậy HĐXX không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị Th khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự được hưởng tài sản và thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chi án phí giá ngạch theo quy định. Cụ thể: chị Th phải chịu $50.000.000 \times 5\% = 2.500.000\text{đ}$. Anh T phải chịu 2.655.165đ.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b, khoản 1 Điều 227, Khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:*

Về hôn nhân: Chấp nhận chị Lê Thị Th được ly hôn anh Lưu Văn T.

Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung. Giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Ngọc Nguyên Đ, sinh ngày 15/5/2015. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Ngọc Gia B, sinh ngày 10/12/2009. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không yêu cầu.

Anh T, chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Xác nhận số tài sản chung của chị Th và anh T có giá trị là 53.103.317đ.

Giao cho anh T được quyền sở hữu ngôi nhà cấp IV: Trị giá còn lại là 46.862.357đ. Mái tôn bên hông nhà: 1.836.000đ. Bếp và công trình phụ 4.404.960đ. Tổng giá trị tài sản anh T được hưởng là 53.103.317đ.

Anh T chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa 50.000.000đ tiền gốc và số tiền lãi tính từ tháng 11/2019 kèm theo hợp đồng tín dụng.

Về án phí:

Án phí ly hôn: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị Th đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2015/0003349 ngày 05/9/2019 Chấp nhận chị Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Án phí giá ngạch: Chị Th phải chịu 2.500.000đ. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.150.000đ theo Biên lai thu số AA/2015/0003352 ngày 09/9/2019. Trả lại cho chị Th 1.650.000đ tiền tạm ứng án phí giá ngạch. Anh T phải chịu 2.655.165đ án phí giá ngạch.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã YN
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng